

Số: 4063/QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo tiến sĩ tại ĐHQGHN ban hành theo Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 2458/QĐ-ĐHQGHN ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1058/QĐ-ĐHQGHN ngày 18 tháng 03 năm 2024 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc bổ sung quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 3471/XHNV-ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc hoàn thiện hồ sơ mở chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam;

Căn cứ Biên bản họp Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Công văn số 3840/XHNV-ĐT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc báo cáo ĐHQGHN về nhân lực chủ trì xây dựng và duy trì Tiến sĩ chuyên ngành Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam;

Theo đề nghị của Trường Ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam (chuyên ngành đào tạo thí điểm).

Điều 2. Giao cho Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam theo đúng Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội, các quy định hiện hành có liên quan và chương trình đào tạo kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, chương trình đào tạo phải được đánh giá chất lượng; sau khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, chương trình đào tạo phải được kiểm định theo quy định của Luật Giáo dục đại học.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Tổ chức Cán bộ, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và người đứng đầu các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, LĐ5.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hiệu



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC
CHUYÊN NGÀNH: TIẾNG VIỆT VÀ NGHIÊN CỨU VIỆT NAM
(Chuyên ngành đào tạo thí điểm)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4063/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam
- + Tiếng Anh: Vietnamese Language and Vietnam Studies

- Mã số: Chuyên ngành đào tạo thí điểm (Mã số đề xuất: 9310630.02)

- Tên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Việt Nam học
- + Tiếng Anh: Vietnamese Studies

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

- + Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Việt Nam học
- + Tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Vietnamese Studies

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình tiến sĩ ngành Việt Nam học, chuyên ngành Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam đào tạo các chuyên gia trong và ngoài nước có kiến thức ở mức độ cao cấp về tiếng Việt trong mối liên hệ với những vấn đề lý luận gắn với thực tiễn ngôn ngữ, văn hoá, đất nước, con người Việt Nam; có khả năng thực hiện nghiên cứu độc

lập và làm việc trong môi trường liên ngành, đa ngành; có năng lực tổ chức nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực tiếng Việt và các nội dung thuộc lĩnh vực nghiên cứu Việt Nam. Người học xong chương trình tiến sĩ chuyên ngành Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam sẽ trở thành các nhà nghiên cứu độc lập trong các lĩnh vực chuyên môn được đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu Việt Nam trong nước và quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

+ Cập nhật, phát triển hệ thống kiến thức nâng cao về tiếng Việt, cung cấp tri thức tổng hợp và nâng cao cho người học về đặc điểm, quy luật, xu hướng vận động của tiếng Việt;

+ Cập nhật, phát triển hệ thống kiến thức nâng cao về lĩnh vực đất nước học trong nghiên cứu Việt Nam thông qua các yếu tố: văn hoá, xã hội, văn học, nghệ thuật, kinh tế, chính trị, tôn giáo, ngoại giao, luật pháp ... Việt Nam.

- Kỹ năng:

+ Tư duy độc lập, phản biện và tranh biện, làm việc nhóm, sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, vận dụng công nghệ trong quá trình tìm hiểu và tổ chức nghiên cứu về Việt Nam;

+ Phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành tiếng Việt và nghiên cứu Việt Nam.

- **Mức độ tự chủ và trách nhiệm:** Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong nghiên cứu Việt Nam (bao gồm cả nhà nghiên cứu là người Việt trong nước và các nhà nghiên cứu là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài), các nhà quản lý có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao làm việc tại các cơ quan nhà nước, chính phủ, các cơ sở khoa học, giáo dục liên quan đến các lĩnh vực: tiếng Việt, văn hoá, giáo dục, khoa học, ngoại giao,... của Việt Nam.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển thông qua việc đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định hiện hành tại Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- Các ứng viên đã tốt nghiệp đại học chính quy hạng giỏi trở lên hoặc tốt nghiệp thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ.

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng kí dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu. Riêng thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỳ yếu các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá ứng viên dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển.

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính

cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có).

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, một phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và ĐHQGHN chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài; hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

3.2.4. Yêu cầu khác

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức tương ứng

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- Ngành/chuyên ngành phù hợp 1 gồm các ngành trong cùng nhóm ngành với ngành Việt Nam học.

- Ngành/chuyên ngành phù hợp 2 gồm các ngành trong nhóm ngành: Khác của lĩnh vực Nhân văn, Khoa học Chính trị, Xã hội học và Nhân học, Quản trị - quản lý, Kinh doanh, Ngôn ngữ, Văn học và Văn hoá Việt Nam, Tâm lí học, Báo chí và Truyền thông, nhóm ngành Du lịch học, Thông tin - Thư viện; Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng, các ngành sư phạm tiếng nước ngoài thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, đồng thời xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Các học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Những đặc trưng cơ bản của tiếng Việt <i>Main characteristics of Vietnamese Language</i>	3
2	Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam <i>Cultural Areas and the Delimitation of Cultural Areas in Vietnam</i>	3
3	Nghệ thuật Việt Nam: truyền thống và hiện đại <i>Vietnamese Arts: Tradition and Modernity</i>	3
4	Phương pháp tiếp cận liên ngành <i>Interdisciplinary Approach Methodology</i>	3
Tổng		12

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh:

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 5 NCS/năm)
- Kế hoạch tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của đơn vị được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

- Luận án phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lí luận hoặc thực tiễn đang đặt ra, góp phần xây dựng, hình thành khung lí thuyết mới, hệ tư tưởng mới phù hợp với ngành Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam;

- Đề tài luận án phải được tiểu ban chuyên môn thông qua trong quy trình xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 3 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 6 tháng 1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận án;

- Có cam đoan và chữ ký của nghiên cứu sinh về nội dung luận án.

- Cấu trúc luận án đảm bảo tối thiểu gồm các phần sau: Mở đầu; Tổng quan tài liệu nghiên cứu; Câu hỏi nghiên cứu; Cơ sở lý thuyết; Phương pháp nghiên cứu; Kết quả nghiên cứu và các phân tích, lý giải; Kết luận; Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định của đơn vị đào tạo; Danh mục các công trình đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có); Phụ lục (nếu có).

- Tuân thủ các quy định về quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Time New Roman, cỡ chữ 13, không quá 300 trang (không kể phụ lục), trong đó có ít nhất 50 phần trăm số trang trình bày, phân tích và lý giải kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

- Hình thức và cấu trúc của luận án tuân thủ theo quy chế của Đại Quốc gia Hà Nội.

- Bản tóm tắt của luận án phản ánh trung thực cấu trúc và nội dung của toàn văn luận án, phải ghi đầy đủ phần kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3-5 trang bằng tiếng Việt và Tiếng Anh trình bày tóm tắt nội dung chính, kết quả nghiên cứu, đóng góp quan trọng nhất của luận án.

2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế có thể được viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

+ Có 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức (*Áp dụng thang Bloom điều chỉnh, 2001*):

PLO 01: Hệ thống hóa các kiến thức chung, kiến thức chuyên môn và hệ thống các lý thuyết vào hoạt động nghiên cứu, giảng dạy Tiếng Việt và nghiên cứu văn hóa, lịch sử, kinh tế, chính trị, văn học, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng, con người Việt Nam.

PLO 02: Hệ thống hóa được những vấn đề then chốt, những đặc trưng của Tiếng Việt, văn hóa, lịch sử, kinh tế, chính trị, văn học, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng, pháp luật Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại, từ lý thuyết đến thực tiễn đáp ứng nhu cầu quản lý và nghiên cứu đất nước và con người Việt Nam.

PLO 03: Đánh giá được các vấn đề lý luận và thực tiễn, tính đặc thù của tiếng Việt và các lĩnh vực văn hoá, xã hội, lịch sử, chính trị, văn học, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng, pháp luật ... Việt Nam trong đời sống học thuật và đời sống xã hội.

4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (*Áp dụng thang phân bậc kỹ năng Dave, 1975*)

PLO 04: Xây dựng các dự án, kế hoạch nghiên cứu một cách thành thực phù hợp với các chuẩn mực xã hội và nghiên cứu khoa học nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn cũng như lý luận khoa học mang tính chuyên sâu trong lĩnh vực nghiên cứu Việt Nam bao gồm Việt ngữ học và các khoa học liên ngành khác liên quan đến quá trình nghiên cứu đất nước, con người Việt Nam.

PLO 05: Đưa ra các nhận định có tính chuyên môn sâu một cách chủ động trên cơ sở tổng hợp các kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn các vấn đề liên quan đến tiếng Việt, văn hóa, lịch sử, kinh tế, văn học, nghệ thuật, tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam trong các hoạt động công bố khoa học, trao đổi học thuật, giảng dạy, tư vấn chính sách.

5. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm (*Áp dụng thang đo thái độ của Krathwoht, Bloom và Masia, 1973*)

PLO 06: Tổ chức triển khai một cách chủ động và thuận thực một đề tài, dự án nghiên cứu chuyên sâu mang tính lý luận hoặc ứng dụng liên quan đến các vấn đề tiếng Việt, văn hoá, lịch sử, kinh tế, chính trị, văn học, nghệ thuật, tín ngưỡng, tôn giáo, pháp luật Việt Nam...

PLO 07: Đưa ra các kết luận, đánh giá, các quyết định một cách chủ động với tư cách một chuyên gia trong lĩnh vực Việt ngữ học, nghiên cứu Việt Nam nói chung, góp phần định hướng giá trị cho cộng đồng, trao đổi, bổ sung tri thức cho lĩnh vực nghiên cứu và tư vấn, gợi ý chính sách cho các nhà quản lý lĩnh vực liên quan.

6. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, tiến sĩ ngành Việt Nam học, chuyên ngành Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam có thể:

- Đảm nhiệm các công việc chuyên môn liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học xã hội khác nhau, đặc biệt có ưu thế ở những công việc đòi hỏi khả năng nghiên cứu tổng hợp, liên ngành.

- Giảng dạy và nghiên cứu chuyên sâu về Việt ngữ, văn hoá, xã hội, lịch sử, kinh tế, chính trị, văn học, nghệ thuật, đất nước, con người Việt Nam tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các học viện, viện nghiên cứu trong nước và quốc tế.

- Trong một số điều kiện nhất định có thể phát triển thành chuyên gia phân tích, tư vấn những vấn đề liên quan đến tiếng Việt, đến đất nước và con người Việt Nam; về

chính sách và tiềm năng phát triển văn hóa, xã hội, kinh tế, du lịch, đầu tư, môi trường... tại các cơ quan quản lý nhà nước, các công ty, tổ chức, cơ quan phi chính phủ, cơ quan chính phủ và các tổ chức quốc tế.

- Đảm nhiệm công việc liên quan đến các hoạt động nghiệp vụ như: giảng dạy tiếng Việt và văn hoá Việt Nam; quản lý, phân biện tại các nhà xuất bản trong và ngoài nước, hoạt động trong lĩnh vực báo chí - truyền thông, các cơ quan trong hệ thống chính trị...

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp chương trình tiến sĩ ngành Việt Nam học, chuyên ngành Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam có khả năng tự trau dồi theo hướng học tập suốt đời để nâng cao nghiệp vụ, tri thức chuyên môn khi làm việc tại các cơ quan kinh tế, xã hội, văn hóa Việt Nam và quốc tế; có thể tiếp tục học tập ở bậc sau tiến sĩ ngành Việt Nam học tại các trường đại học và các viện nghiên cứu ở Việt Nam và trên thế giới (nếu có).

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	105 tín chỉ, trong đó
- Các học phần tiến sĩ:	15 tín chỉ
+ Bắt buộc:	9 tín chỉ
+ Tự chọn:	6/24 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	6 tín chỉ
- Sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo: <i>(không tính số tín chỉ)</i>	
- Luận án tiến sĩ:	84 tín chỉ

1.2. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	136 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần bổ sung:	31 tín chỉ
+ Bắt buộc:	25 tín chỉ
+ Tự chọn:	6/42 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ:	15 tín chỉ
+ Bắt buộc:	9 tín chỉ
+ Tự chọn:	6/24 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	6 tín chỉ
- Sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo: <i>(không tính số tín chỉ)</i>	
- Luận án tiến sĩ:	84 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	CÁC HỌC PHẦN TIẾN SĨ		15				
I.1	Các học phần bắt buộc		9				
1	VNS 8001	Giao tiếp ngôn ngữ - văn hoá Việt <i>Communication in Vietnamese Language and Culture</i>	3	45	0	105	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
2	VNS 8002	Đặc điểm tư duy của người Việt nhìn từ truyền thống <i>The Characteristics of the Vietnamese Thinking from the Point of Tradition</i>	3	45	0	105	
3.	VNS 8003	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu trong nghiên cứu Việt Nam <i>Methodology and Research Methods of Viet Nam Studies</i>	3	45	0	105	
I.2	Các học phần tự chọn		6/24				
4	VNS 8004	Văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. <i>Vietnamese Culture: Unity in Diversity</i>	3	45	0	105	
5	VNS 8005	Tiếp xúc ngôn ngữ - văn hóa giữa tiếng Việt với các ngôn ngữ văn hóa khác <i>Language and Cultural Contacts among Vietnamese and other Languages and Cultures</i>	3	45	0	105	
6	VNS 8006	Bang giao và thương mại biển truyền thống của Việt Nam <i>Diplomatic Relations and Traditional Maritime Trade in Vietnamese History</i>	3	45	0	105	
7	VNS 8007	Việt ngữ học đối chiếu <i>Comparative Vietnamese Linguistics</i>	3	45	0	105	
8	VNS 8008	Văn hoá âm nhạc tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam <i>Musical Culture in the Vietnamese's Religions and Beliefs</i>	3	45	0	105	
9	VNS 8009	Đông phương học và Việt ngữ học: Bình diện Từ pháp học tiếng Việt	3	45	0	105	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Oriental Studies and Vietnamese Linguistics: Aspects of Morphology in Vietnamese</i>					
10	VNS 8010	Tục thờ Mẫu thần ở Việt Nam trong bối cảnh khu vực và quốc tế <i>Mother Goddesses Worship in Vietnam in the Regional and International Context</i>	3	45	0	105	
11	VNS 8011	Việt ngữ học tri nhận <i>Cognitive Vietnamese Linguistics</i>	3	45	0	105	
II.	CÁC CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ, TIỂU LUẬN TỔNG QUAN VÀ NCKH		6				
II.1	Chuyên đề tiến sĩ		4				
12	VNS 8012	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
13	VNS 8013	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	
II.2	Tiểu luận tổng quan		2				
	VNS 8014	Tiểu luận tổng quan <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	
14	NCS thực hiện các nội dung chuyên môn liên quan đến tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án, nêu ra những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết						
II.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định của ĐHQGHN dưới sự hướng dẫn của cán bộ nghiên cứu.						
III	SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức. Tham gia trợ giảng bậc đại học, thạc sỹ; hướng dẫn thực hành, thực tập; hướng dẫn tối thiểu 02 khoá luận tốt nghiệp đại học; hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức.						
IV	LUẬN ÁN TIỀN SĨ						
15	VNS 9001	Luận án tiến sĩ <i>Dissertation</i>	84	0	0	4200	
Tổng cộng			105				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	HỌC PHẦN BỔ SUNG		31				
I.1	Các học phần bắt buộc		25				
1	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	VNS 6001	Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khu vực học <i>Theory and Approaches to Area Studies</i>	3	40	10	100	
3	VNS 6021	Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam <i>Cultural Areas and the Delimitation of Cultural Areas in Vietnam</i>	3	43	4	103	
4	VNS 6022	Những đặc trưng cơ bản của tiếng Việt <i>Main Characteristics of Vietnamese Language</i>	3	43	4	103	
5	VNS 6023	Văn học Việt Nam trong quá trình hội nhập và phát triển <i>Vietnamese Literature in the Process of Integration and Development</i>	3	40	10	100	
6	VNS 6024	Phương pháp giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ <i>Method of Vietnamese Language Teaching as a Foreign Language</i>	3	40	10	100	
7	VNS 6025	Tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam <i>Believes and Religions in Vietnam</i>	3	40	10	100	
8	VNS 6026	Nghệ thuật Việt Nam: truyền thống và hiện đại <i>Vietnamese Arts: Tradition and Modernity</i>	3	40	10	100	
I.2	Các học phần tự chọn		6/42				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
9	VNS 6027	Kinh tế - xã hội Việt Nam: truyền thống và đổi mới <i>Vietnamese Socio-Economy: Tradition and Renovation</i>	3	45	0	105	
10	VNS 6028	Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam <i>The State and Law in Vietnamese History</i>	3	45	0	105	
11	VNS 6029	Phương pháp tiếp cận liên ngành <i>Interdisciplinary Approach Methodology</i>	3	45	0	105	
12	VNS 6030	Lịch sử quan hệ quốc tế của Việt Nam <i>History of International Relations of Vietnam</i>	3	45	0	105	
13	VNS 6031	Việt Nam học ở Việt Nam và trên thế giới <i>Vietnamese Studies in Vietnam and in the World</i>	3	45	0	105	
14	VNS 6032	Lịch sử tư tưởng Việt Nam <i>History of Vietnam Ideologies</i>	3	45	0	105	
15	VNS 6033	Nông thôn và Đô thị Việt Nam <i>Rural and Urban Areas in Vietnam</i>	3	45	0	105	
16	VNS 6034	Giao tiếp liên văn hóa <i>Intercultural Communication</i>	3	45	0	105	
17	VNS 6035	Lịch sử chủ quyền và lãnh thổ Việt Nam <i>History of Sovereignty and Territory of Vietnam</i>	3	45	0	105	
18	VNS 6036	Văn hóa và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số <i>Cultures and Languages of Vietnam Minorities</i>	3	45	0	105	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
19	VNS 6037	Phân vùng phương ngữ - văn hóa ở Việt Nam <i>Zoning Dialect – Culture in Vietnam</i>	3	45	0	105	
20	VNS 6038	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á <i>Vietnamese Culture in Asean Context</i>	3	45	0	105	
21	VNS 6039	Địa lý các vùng lãnh thổ Việt Nam <i>Geography of Regions in Vietnam</i>	3	43	04	103	
22	VNS 6040	Các đặc trưng sinh thái, môi trường Việt Nam <i>The Characteristics of Ecological Environment of Viet Nam</i>	3	45	0	105	
II	CÁC HỌC PHẦN TIỀN SĨ		15				
II.1	Các học phần bắt buộc		9				
22	VNS 8001	Giao tiếp ngôn ngữ văn hoá Việt <i>Communication in Vietnamese Language and Culture</i>	3	45	0	105	
23	VNS 8002	Đặc điểm tư duy người Việt nhìn từ truyền thống <i>The Characteristics of the Vietnamese Thinking from the Point of Tradition</i>	3	45	0	105	
24	VNS 8003	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu trong nghiên cứu Việt Nam <i>Methodology and Research Methods of Viet Nam Studies</i>	3	45	0	105	
II.2	Các học phần tự chọn		6/24				
25	VNS 8004	Văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng	3	45	0	105	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Vietnamese Culture: Unity in Diversity</i>					
26	VNS 8005	Tiếp xúc ngôn ngữ - văn hóa giữa tiếng Việt với các ngôn ngữ văn hóa khác <i>Language and Cultural Contacts among Vietnamese and other Languages and Cultures</i>	3	45	0	105	
27	VNS 8006	Bang giao và thương mại biển truyền thống của Việt Nam <i>Diplomatic Relations and Traditional Maritime Trade in Vietnamese History</i>	3	45	0	105	
28	VNS 8007	Việt ngữ học đối chiếu <i>Comparative Vietnamese Linguistics</i>	3	45	0	105	
29	VNS 8008	Văn hoá âm nhạc tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam <i>Musical Culture in the Vietnamese's Religions and Beliefs</i>	3	45	0	105	
30	VNS 8009	Đông phương học và Việt ngữ học: Bình diện Từ pháp học tiếng Việt <i>Oriental Studies and Vietnamese Linguistics: Aspects of Morphology in Vietnamese</i>	3	45	0	105	
31	VNS 8010	Tục thờ Mẫu thần ở Việt Nam trong bối cảnh khu vực và quốc tế <i>Mother Goddesses Worship in Vietnam in the Regional and International Context</i>	3	45	0	105	
32	VNS 8011	Việt ngữ học tri nhận	3	45	0	105	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Cognitive Vietnamese Linguistics</i>					
III	CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ, TIỂU LUẬN TỔNG QUAN VÀ NCKH		6				
III.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
33	VNS8012	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
34	VNS8013	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	
III.2	Tiểu luận tổng quan		2				
	VNS8014	Tiểu luận tổng quan <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	
35	NCS thực hiện các nội dung chuyên môn liên quan đến tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án, nêu ra những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.						
III.3	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC						
	NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định của ĐHQGHN dưới sự hướng dẫn của cán bộ nghiên cứu,						
IV	SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO						
	NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức. Tham gia trợ giảng bậc đại học, thạc sỹ; hướng dẫn thực hành, thực tập; hướng dẫn tối thiểu 02 khoá luận tốt nghiệp đại học; hoặc tham gia giảng dạy, trợ giảng các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức.						
V	LUẬN ÁN TIỀN SĨ						
36	VNS 9001	Luận án tiến sĩ <i>Dissertation</i>	84	0	0	4200	
Tổng cộng			136				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, thí nghiệm, thảo luận.

(3): Thực tập, nghiên cứu, tự học có kiểm tra đánh giá.